TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19-11-2018
V/v *"ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hồng
Bà Lê Thị Ngọc Oanh

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phạm Đình Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 43/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018, về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2018/QĐXX-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Quang V- sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số A, đường C, phường A, quận H, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968.

Nơi cư trú: Othello Ave, San Jose, , Hoa Kỳ.

Chỗ ở hiện tại: Village Greenln Belleville Mi Michigan, USA (có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 7 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn ông Trần Quang V trình bày:

Chúng tôi được người quen giới thiệu nên đã kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND quận H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ phường A, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng ngày càng mâu thuẫn và căng thẳng, chúng tôi không thể sống với nhau được nữa. Mặc dù, chúng tôi đã cố gắng rất nhiều để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đến nay vẫn không có kết quả.

Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục kéo dài quan hệ vợ chồng. Nguyện vọng của chúng tôi xin được ly hôn để mỗi người có điều kiện tạo lập cuộc sống riêng của mình. Tôi yêu cầu Tòa án công nhận việc ly hôn của vợ chồng chúng tôi.

Về con chung: Vợ chồng chúng tôi không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng chúng tôi không có tài sản chung và nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 11/9/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vợ chồng chúng tôi được người quen giới thiệu nên đã đăng ký kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND quận H, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ phường A, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Trong quá trình chung sống thì xảy ra mâu thuẫn bất hòa. Nguyên nhân mâu thuẫn là không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng ngày càng mâu thuẫn và căng thẳng, chúng tôi không thể sống với nhau được nữa. Mặc dù, chúng tôi đã cố gắng rất nhiều để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đến nay vẫn không có kết quả.

Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục kéo dài quan hệ vợ chồng. Nguyện vọng của chúng tôi xin được ly hôn để mỗi người có điều kiện tạo lập cuộc sống riêng của mình. Tôi yêu cầu Tòa án công nhận việc ly hôn của chúng tôi.

Về con chung: Vợ chồng chúng tôi không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng chúng tôi không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng chúng tôi không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn bà Nguyễn Thị T theo con đường dịch vụ bưu chính. Ngày 11/9/2018, bà Nguyễn Thị T có đơn trình bày, đơn xét xử ly hôn vắng mặt và đơn yêu cầu rút ngắn thời gian giải quyết vụ án và được Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự ngày 01/10/2018. Vì vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quang V và bà Nguyễn Thị T kết hôn vào ngày 21/02/ 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND quận H, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây quan hệ hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông V và bà T là do vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng đã cố gắng rất nhiều để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đến nay vẫn không có kết quả. Ngoài ra, ông V cho rằng một tháng sau khi kết hôn, bà T đã về Mỹ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nguyện vọng của ông bà xin được ly hôn để mỗi người có điều kiện tạo lập cuộc sống riêng của mình và đều có đơn yêu cầu rút ngắn thời gian giải quyết vụ án.

HĐXX xét thấy, sau khi kết hôn ông V và bà T chỉ chung sống được với nhau một thời gian, sau đó bà T quay về Mỹ sinh sống cho đến nay, còn ông V vẫn sống ở Việt Nam, mỗi người sống mỗi nơi. Hôn nhân giữa ông V và bà T chỉ tồn tại về mặt hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V đối với bà T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông V và bà T xác định không có, nên HĐXX không đề cập đến.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông V và bà T xác định không có, nên HĐXX không đề cập đến.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V đối với bà T, nên theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 227; Điều 464; điểm c khoản 1 Điều 474; khoản 1, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: " Ly hôn" của ông Trần Quang V đối với bà Nguyễn Thị T.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Trần Quang V và bà Nguyễn Thị T.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Quang V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 001469 ngày 09/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Trần Quang V đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Ông Trần Quang V được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- UBND Quận Hải Châu TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Thị Thúy Năng

(Bản án có hiệu lực pháp luật từ ngày 24/01/2019)